



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, _____ No _____

EXIT PERMIT: Y. _____ N. _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

PHAM
Last

VIET
Middle

HONG
First

Current Address SO 124/1, KINH M 1, PHUONG 3, THIA SAEC, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

Date of Birth SEPT. 30-1949 Place of Birth SADEC

Previous Occupation (before 1975) 1st SERGEANT, POLICEMAN OF FIELD POLICE HQ8 COMPANY.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From JUNE 20-1976 To SEPTEMBER 2-1978

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

7. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM VIET HONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM VIET HAI	1979	SON
PHAM THI TUYET-NGOC	1975	DAUGHTER
PHAM THI TUYET-LOAN	1977	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

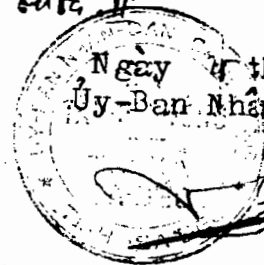
5. ADDITIONAL INFORMATION :

UBNDOM
Xã.....
Số: 92/CN

CỘNGHÒA MIỀN NAM VIỆT-NAM
HỘI C-LẬP DÂN CHỦ HOÀ BÌNH TRUNG LẬP.
-ccccc-

GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC TẬP

Họ tên: .. PHAN VIỆ.. HỒNG. . . tuổi: 1949. .
Chở ở hiện tại . . 14/3 Tân. Long.
Trước từng sự tại: H. Q. 1. VT.
Cấp bậc: . . YS2. . Chức vụ:
Giấy chứng nhận số:
Là học tập lớp cải tạo 7 ngày tại xã: Tân. Long.
.



Ngày 4 tháng 11 năm 1975
Ủy-Ban Nhân-Dân Cách-Mạng xã,

Trần Văn Sĩ

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAM VIET HONG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : SEPTEMBER 30 1949 SADEC PROVINCE
(Nam, noi sin) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE (nam) Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): MARRIED
(Tinh-trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 30 124/1, KHOM 1, PHUONG 3, TH XH SADEC, TINH DONG THAP
(Dia chi tai Viet-Nam) VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): JUNE 20-1975 To (Den): SEPT 2-1975

PLACE OF RE-EDUCATION: DUC THANH DISTRICT, SADEC PROVINCE
CAMP (Trai tu) (quan) (Tinh)

PROFESSION (Nghe nghiep): TAILOR (The may)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1ST SERGEANT (Trung I)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): POLICEMAN OF FIELD POLICE
408 COMPANY AT SADEC Date (nam): FROM: NOVEMBER
24-1967 TO 1975
(Canh sat vien dan an 408 Canh sat da chieu tinh SADEC)

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
IV Number (So ho so):
No (Khong): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING-(So nguai di theo): THREE (3)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ban sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay)

DATE: DECEMBER 21 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SIGNATURE:

PHAM VIET HONG

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM VIET HON
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
PHAM VIET HON	1972	SON (unfair)
PHAM THI TUYET-NHOC	1975	DAUGHTER (unfair)
PHAM THI TUYET-LOAN	1977	DAUGHTER (unfair)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : I HAVE TWO RELEASE CERTIFICATES, BUT ONE WAS LOST. (Tôi có 2 giấy ra khỏi, nhưng bị đánh mất hết 1)
DOCUMENTS ATTACHED:

- 1) - 1 BIRTH CERTIFICATE (1 khai sinh)
- 2) - 1 PHOTOCOPY OF THE CENSUS BOOK (1 bản sao hộ khẩu)
- 3) - 1 PHOTOCOPY OF THE RECRUIT DECISION (1 bản sao Sơ vụ lệnh tuyển dụng)
- 4) - 1 PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE (1 giấy ra khỏi)
- 5) - 1 PHOTO 4x6 (1 hình 4x6)

S U V U L I N H

Chiếu

Chiếu như câu ông-vụ ;

Các ứng viên có tên dưới đây (do Nha CSQG Vùng IV

giới thiệu) làm việc ngành Cảnh-Sát Quốc

Gia với tư cách Cảnh-sát-tiền-phủ-động-đồng-hóa-công-nhật

(Cl/1) :

VB. 1.			
SD. 87. Trương-văn-Kê	(1. 1.49)	88. Phạm-văn-Nghĩa	(1942)
89. Trần-văn-Nê	(10. 2.49)	90. Đặng-văn-Út	(1949)
91. Trần-văn-Phát	(10. 2.49)	92. Lê-văn-Năm	(7. 7.49)
93. Trần-văn-Cầu	(7. 7.42)	94. Lê-văn-Tám	(10. 1.34)
95. Phan-phú-Lộc	(1. 4.38)	96. Lê-hoàng-Hoanh	(1936)
97. Dương-văn-Quang	(1.10.39)	98. Phan-văn-Hai	(1938)
99. Nguyễn-văn-Y	(1942)	100. Lê-văn-Khách	(7. 1.36)
101. Đặng-phước-Hương	(28.11.49)	10. Nguyễn-văn-Lời	(4. 4.40)
102. Trịnh-văn-Đức	(11. 5.38)	10. Mai-văn-Thời	(1942)
103. Đào-quy-Huyền	(20. 7.49)	10. Võ-văn-Dam	(7. 7.49)
104. Nguyễn-văn-Li	(15.10.49)	10. Phạm-văn-Long	(6. 7.49)
109. Cao-văn-Phước	(13.12.49)	11. Nguyễn-văn-Đức	(20.10.49)
111. Phan-văn-Cu	(2. 5.49)	11. Phạm-việt-Hồng	(30. 9.49)
113. Dương-văn-Lạt	(7. 8.49)	11. Đặng-văn-Bé	(15. 8.49)
115. Tô-bảo-Long	(15.12.49)	11. Văn-hồng-Lượng	(17. 7.49)
117. Trần-văn-Lý	(25. 5.41)	11. Nguyễn-văn-Trò	(4. 4.33)
119. Nguyễn-văn-Tắc	(8. 6.34)	12. Bùi-hồng-Hựu	(1936)
121. Trần-văn-Bé	(1941)	12. Phạm-văn-Thuận	(1942)
123. Võ-kê-Nghiệp	(6. 3.40)	12. Nguyễn-văn-Liêm	(20. 9.39)
125. Nguyễn-văn-Phú	(25. 7.41)	12. Võ-văn-Thôn	(28.11.49)
127. Nguyễn-văn-Tươi	(8. 8.49)	12. Lâm - Bón	(18. 8.49)
129. Phan-văn-Nghiệp	(15. 1.38)	13. Trần-văn-Đức	(10.10.49)
131. Nguyễn-văn-Huyền	(15. 2.36)	13. Hứa-văn-Anh	(15. 7.49)
133. Nguyễn-văn-Linh	(5. 7.42)	13. Huỳnh-văn-Nhỏ	(2. 4.49)
135. Nguyễn-văn-Dương	(1936)	13. Nguyễn-phước-Long	(26.10.49)
137. Nguyễn-văn-Tư	(15. 5.49)	14. Trần-văn-Tư	(16. 4.49)
139. Trần-văn-Lý	(8. 4.49)	14. Trịnh-nghĩa-Hiệp	(18. 5.49)
141. Nguyễn-văn-Ngọc	(25.12.49)	14. Nguyễn-văn-Y	(15. 6.49)
143. Lê-văn-Thương	(1.10.49)	14. Nguyễn-văn-Tô	(21. 2.49)
145. Nguyễn-văn-Hòa	(19. 8.49)	14. Nguyễn-văn-Ca	(15. 8.49)
147. Phạm-đồng-Thanh	(15.12.49)	14. Nguyễn-văn-Hải	(10. 1.49)
149. Nguyễn-văn-Phụng	(19.10.49)	15. Võ-văn-Thu	(1941)

151. Nguyễn-văn-Thành	(15. 6.43)	152. Huỳnh-văn-Cúc	(1938)
153. Lê-văn-Vinh	(22. 6.49)	154. Lê-tấn-Thén	(29. 6.35)
155. Hà-văn-Tám	(1936)	156. Nguyễn-văn-Minh	(1949)
157. Ngô-văn-Thảo	(1949)	158. Trần-văn-Tư	(15. 2.49)
159. Bùi-văn-Em	(22.12.41)		

Nếu bất cứ vì lý gì mà sự tuyển dụng này không được chấp thuận, các đương-sự bị ngưng trả lương và thái hồi vô điều kiện không cần báo tức.

Sự-vụ-linh này có hiệu lực kể từ ngày các đương-sự chính thức nhận việc sau khi được duyệt ký.-

KIỂM-SOÁT ƯỚC-CHI

Ngày 29.12.1967

Ký-tên : VÕ-VĂN-ĐÌNH

Sài Gòn, ngày 29 tháng 12 năm 1967

TUN. TỔNG TRƯỞNG NỘI-VU

TỔNG GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Ấn-ý : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-NGỌC-LOAN

Nơi nhận :

PHỤ - BỐN

- BNV (SỞ NV/HC - SỞ KSUC)
- " (NTGD CSCG/NV/KT)
- Nha CSCG Vùng IV
- Các đương-sự
- Lưu.-

Ấn-ký :

hiệu-Tá NGUYỄN-HỒNG-CHƯƠNG

TRÍCH SAO Y :

Sao, ngày 19 tháng 02 năm 1968
Quang-Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia,

TRẦN-TỰ-LẬP

Quân-Trưởng C.S.C.G.

KHAI SANH



Đã đổi
bộ trích họ tịch

Phạm

Tên, họ đủ nhĩ :	Phạm-việt-Hồng
Phái :	Nam
Sinh :	Le 30 Septembre 1949
(Ngày, tháng, năm)	Tên-vĩnh-hòa hộ Tân-qui-dông
Tại :	
Cha :	Phạm-dăng-Khoe
Tên, họ :	/
Tuổi :	/
Nghề :	buôn bán
Cư-trú tại :	Tên-vĩnh-hòa
Vợ :	Võ-thị-Nhã
(Tên họ)	/
Tuổi :	/
Nghề :	buôn bán
Cư trú tại :	Tên-vĩnh-hòa
Vợ :	vợ thối
(Chánh hay thứ)	
Người khai :	Phạm-dăng-Khoe
(Tên họ)	
Tuổi :	30 ans
Nghề :	lên ruộng
Cư trú tại :	Tên-vĩnh-hòa
Ngày khai :	/
Người chứng thứ nhứt :	Đuỳnh-công-Chánh
(Tên, họ)	
Tuổi :	23 ans
Nghề :	lên ruộng
Cư trú tại :	Tên-vĩnh-hòa
Người chứng thứ nhì :	Trần-ngọc-Sơn
(Tên họ)	
Tuổi :	22 ans
Nghề :	Biện Lềng
Cư-trú tại :	Tên-vĩnh-hòa

THỊCH V BỐ CHÁNH
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

Lập tại Sadeo ngày premier Octobre 1949
Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,
Signé : Khoe Signé : Quý Signé : Chánh Sơn

Chủ hộ:

Số 151

Nội dung	Quan hệ với chủ hộ	
	1	2
1. Họ và tên		
Tên thường gọi		
2. Ngày tháng năm sinh		
3. Nơi sinh		
4. Nam hay nữ		
5. Nguyên quán		
6. Dân tộc		
7. Tôn giáo		
8. Số giấy CMND		
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến — Ngày đến		
11. Chuyển đi : — Đi đâu — Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an quận huyện ký tên - đóng dấu (ghi rõ họ tên cấp bậc)	

Chủ hộ: PHẠM VIỆT HÙNG

Số 116 151

Nội dung	Quan hệ với chủ hộ	
	1	2
1. Họ và tên	PHẠM VIỆT HÙNG	PHẠM VIỆT HÙNG
Tên thường gọi		
2. Ngày tháng năm sinh	1949	1972
3. Nơi sinh	QUẬN BÌNH HOÀ 92	QUẬN BÌNH HOÀ 92
4. Nam hay nữ	NAM	NAM
5. Nguyên quán	QUẬN BÌNH HOÀ 92	QUẬN BÌNH HOÀ 92
6. Dân tộc	KINH	KINH
7. Tôn giáo	-	
8. Số giấy CMND	34.0040884	340738845
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc	THC MAY	THC MAY
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến — Ngày đến		
11. Chuyển đi : — Đi đâu — Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an quận huyện ký tên - đóng dấu (ghi rõ họ tên cấp bậc)	

FROM: PHAM-VIET-HONG
Số 124/1, Khu 1, Phường 3,
Tx SaDEC, Tỉnh Đồng Tháp
VIỆT NAM

20/11/90

2000

AR 10

09

DAY BAY
PAR AVION



JAN 9 1990

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635 U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL
30 01 - 24 500